TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THẠNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2023
Về việc: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

***Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Võ Thanh Hải

2. Bà Võ Thị Vân Khánh

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Minh D, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp Tân Chánh B, xã Nhơn Ninh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An

(Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt mà không phải do sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nội dung vụ kiện như sau:

Ông Lê Minh D và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau vào năm 2004, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở mai mối. Ông D và bà L có đăng ký kết hôn

ngày tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Long An, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 108, quyển số 01 ngày 15/11/2004. Giữa vợ chồng chung sống với nhau có hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, bà L không chung thủy, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông D và bà L đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2022 cho đến nay. Do đó, ông D yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung: ông D và bà L có 02 con chung tên Lê Thị Thảo D1, sinh ngày 23/6/2005 và Lê Nguyễn Hữu N sinh ngày 25/6/2010. Khi ly hôn, ông D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên là Lê Nguyễn Hữu N và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Nguyễn Thị L: Bà L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không gửi văn bản trình bày ý kiến nên hồ sơ vụ án không thể hiện ý kiến của bà Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn Lê Minh D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt nên có cơ sở xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Thị L cư trú tại ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An đúng như đơn khởi kiện của nguyên đơn đã cung cấp. Tuy nhiên, bà L đã bỏ địa phương đi khỏi nơi cư trú từ tháng 3 năm 2023 đến nay. Ông D khởi kiện xin ly hôn với bà L. Tòa án xét thấy, ông D đã cung cấp đúng địa chỉ nơi cư trú của bà L so với địa chỉ đã ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, giấy khai sinh con và đúng với xác nhận của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, bà L đã đi khỏi nơi cư trú nhưng không thông báo cho ông D cũng như cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về địa chỉ nơi cư trú hiện nay nên thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ Luật tố tụng dân sự và theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1

và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết theo thủ tục chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (B 03 kỳ liên tiếp, Đ 03 kỳ liên tiếp) theo yêu cầu của ông D nhưng bà L vẫn vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh xét thấy đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 97, 105, 179, 180 Bộ Luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông Lê Minh D và bà Nguyễn Thị L đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An, vào sổ đăng ký kết hôn số 108, Quyển số 01, ngày 15/11/2004 nên quan hệ hôn nhân của ông D và bà L là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, ông D trình bày trong thời gian chung sống, giữa ông D và bà L chung sống với nhau có hạnh phúc trong thời gian dài. Đến năm 2022 thì giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chung sống với nhau không có hạnh phúc. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do giữa vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không hòa hợp với nhau nữa, bà L không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống không có hạnh phúc nên đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2022 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, giữa ông D và bà L mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau, bà L đã bỏ đi đâu ông không biết. Do đó, ông D cương quyết xin được ly hôn với bà L.

Bà Nguyễn Thị L đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đã vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đến lần thứ hai và không có văn bản trình bày ý kiến của bà về yêu cầu xin ly hôn của ông D.

Hội đồng xét xử xét thấy ông D và L đã không còn chung sống với nhau từ năm 2022 đến nay. Đồng thời, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà L và ông D đã đến mức trầm trọng, tình cảm giữa vợ và chồng không còn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Các con của bà L và ông D cũng thống nhất nguyện vọng của ông D, không có ý kiến, yêu cầu gì khi ông D xin ly hôn với bà L.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Trong thời gian chung sống với nhau, ông D và bà L có 02 con chung tên Lê Thị Thảo D1, sinh ngày 23/6/2005 và Lê Nguyễn Hữu N sinh ngày 25/6/2010. Khi

ly hôn, ông D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là cháu Lê Nguyễn Hữu N và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Lê Nguyễn Hữu N có văn bản nêu nguyện vọng được sống với cha khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy trong thời gian ông D và bà L sống ly thân, con chung do ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo các mặt đời sống cho con và vẫn đảm bảo quyền lợi cho con. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông D về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung chư thành niên.

Bà L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Lê Minh D và bà Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3] Về án phí: Ông Lê Minh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh D: Ông Lê Minh D được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

2. Về con chung:

Ông Lê Minh D được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên tên Lê Nguyễn Hữu N sinh ngày 25/6/2010.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Minh D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí. Chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Lê Minh D đã nộp theo biên lai thu số 0004506 ngày 23/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
- TAND tỉnh Long An; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Ngọc Ánh